

*Nhưng tánh của Hành Âm vốn chẳng lặn  
xãng, sở dĩ lưu chuyển chẳng ngừng là do tập khí  
của nhiều kiếp, nếu tánh ấy trở về vắng lặng, tập  
khí dứt sạch, tướng lưu chuyển hết, như làn sóng  
lặng trở về nước yên, gọi là Hành Âm hết, thì lúc  
ấy được siêu việt Chúng Sanh Trược.*

**KINH THỦ LĂNG NGHIÊM**  
**QUYÊN MƯỜI**

## IV - MA HÀNH ẤM

- A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được Tướng Ấm, những mộng tưởng bình thường tiêu sạch, thức, ngủ thường như một, chẳng còn đuổi theo cảnh trần, cái giác minh vắng lặng như hư không, thấy các núi sông, đất đai của thế gian như bóng hiện trong gương, tùy duyên chiếu soi, ở đi đều chẳng dính mắc, biết hết các tập khí xưa, cái nguồn gốc của sanh diệt từ đây được hiển lộ, thấy

khắp 12 loại chúng sanh trong mười phương, dù chưa thông suốt manh mối của từng loại, nhưng đều từ một nguồn gốc phát sanh ra, giống như bụi trần lăng xăng, ấy là chỗ căn cứ địa của ngũ căn, đây gọi là phạm vi của Hành Âm. Nhưng tánh của Hành Âm vốn chẳng lăng xăng, sở dĩ lưu chuyển chẳng ngừng là do tập khí của nhiều kiếp, nếu tánh ấy trở về vắng lặng, tập khí dứt sạch, tướng lưu chuyển hết, như làn sóng lặng trở về nước yên, gọi là Hành Âm hết, thì lúc ấy được siêu việt Chúng Sanh Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi

U-Ẩn Vọng Tưởng (1) làm gốc (Hành Âm lưu chuyển vi tế, động mà chẳng động nên gọi là U-ẩn).

1. A Nan nên biết! Trong lúc thiền định, khi được chánh tri, chánh tâm sáng suốt, mười loại thiên ma chẳng còn được dịp quấy phá, mới được truy cứu cùng tột cội gốc sanh diệt của các loài. Quán xét cái cội gốc đó mà khởi tâm so đo, thì người ấy bị đọa vào hai loại Vô Nhân Luận:

a. Thấy sự bắt đầu vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã dứt được tướng sanh diệt, nhờ 800 công đức của Nhân căn, thấy được tất cả chúng sanh từ 8 vạn kiếp, theo nghiệp xoay vòng, chết đây sống đó, luân chuyển không ngừng, còn ngoài 8 vạn kiếp thì mịt mù chẳng thể thấy được, bèn cho là từ 8 vạn kiếp đến nay, mười phương chúng sanh trên thế giới vô nhân mà tự có. Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề.

b. Thấy sự cuối cùng vô nhân. Tại sao vậy? Người ấy đã biết được căn bản của sự sanh, như người sanh người, chim sanh chim, xưa nay con quạ vẫn đen, con cò vẫn trắng, trời người vẫn đứng thẳng, thú vật vẫn đứng ngang, trắng chẳng do tẩy mà thành, đen chẳng do nhuộm mà nên, từ 8 vạn kiếp nay vẫn không dời đổi, nay đến tận hết hình thể này cũng vẫn như thế. Bồn lai của ta chẳng thấy Bồ Đề thì làm sao lại có sự tu thành Bồ Đề! Vì mê làm cho tất cả sự vật đều vốn vô nhân, do so đo

này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề.

- Ấy gọi là ngoại đạo thứ nhất lập Vô Nhân Luận.

2. Trong lúc thiền định, chánh tâm sáng suốt, mà chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, thấy luôn luôn như vậy chẳng biến đổi, ngay nơi đó khởi tâm so đo, chấp đó là thường, thì người ấy bị đọa vào bốn thứ Chấp Thường Luận:

a. Người ấy xét thấy cùng tột bản tánh của tâm và cảnh, hai nơi đều không có nhân, do tu tập biết được tất cả sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ hai vạn kiếp đến nay vẫn lưu chuyển không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.

b. Người ấy xét cùng tột cội gốc của tứ đại, bốn thứ tánh ấy thường trụ, do tu tập biết được tất cả. Sự sanh diệt của mười phương chúng sanh, từ bốn vạn kiếp đến nay cái thể vẫn thường còn, không hề tan mất, bèn chấp cho là thường.



c. Người ấy xét cùng tột cội gốc của lục căn, theo tánh chấp thụ của thức thứ bảy, trong tâm-ý-thức, chỗ nguồn gốc căn bản, tánh thường như vậy. Do tu tập biết được tất cả chúng sanh từ tám vạn kiếp này, dù có luân hồi, vốn là thường trụ, cuối cùng chẳng mất bản tánh, nên chấp cho là thường.

d. Người ấy đã dứt được tướng ám chẳng còn cái tướng sanh diệt cho là tâm sanh diệt, nay đã vĩnh diệt, tự nhiên thành chẳng sanh diệt, vì tâm so đo nên chấp cho là thường.

- Do so đo này, tự làm mất chánh biến tri, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ hai lập Viên Thường Luận.

3. Trong lúc thiên định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, khởi tâm so đo giữa ta và người, người ấy bị đọa vào bốn thứ kiến chấp điên đảo, một phần vô thường, một phần chấp thường luận:

a. Người ấy quán tâm diêu minh khắp cõi mười phương cho là thần ngã chơn thật, từ đó sanh chấp,

cho ta cùng khắp mười phương, trạm nhiên sáng suốt chẳng động, tất cả chúng sanh ở nơi tâm ta tự sanh tự diệt, vậy thì tâm tánh ta là thường, còn sự sanh diệt ấy là chơn vô thường.

b. Người ấy chẳng quán tự tâm mà quán khắp mười phương hằng sa quốc độ, thấy chỗ kiếp hoại (từ cõi tam thiên trở xuống) thì gọi là chơn tánh chơn vô thường, còn chỗ kiếp chẳng hoại được (từ cõi tứ thiên trở lên, kiếp hoại chẳng đến được) thì gọi là chơn thường.

c. Người ấy chỉ quán riêng tâm mình, thấy tinh mật vi tế như vi trần, lưu chuyển mười phương, khiến thân này liền sanh liền diệt mà tâm tánh chẳng dời đổi, ngã tánh chẳng hoại, gọi ta là tánh thường, sanh tử của tất cả chúng sanh từ ta mà ra thì gọi là tánh vô thường.

d. Người ấy đã dứt được Tướng Âm, thấy hành âm lưu chuyển thường xuyên, gọi là tánh thường: sắc, thọ, tướng ba âm nay đã diệt hết thì gọi là vô thường.

- Do so đo này, một phần vô thường, một phần là thường, nên bị lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ ba lập Một Phần Thường Luận.

4. Trong lúc thiên định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong phân vị (2) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ Hữu Biên Luận:

a. Người ấy trong tâm so đo cái gốc sanh lưu chuyển chẳng ngừng, chấp quá khứ vị lai gọi là hữu biên, chấp tâm tương tục gọi là vô biên.

b. Người ấy quán từ tám vạn kiếp đến nay thì thấy có chúng sanh, từ tám vạn kiếp trở về trước thì chẳng thấy chẳng nghe, bèn cho chỗ chẳng thể thấy nghe ấy gọi là vô biên, chỗ có chúng sanh gọi là hữu biên.

c. Người ấy chấp rằng ta biết cùng khắp, được tánh vô biên; tất cả mọi người đang trong cái hay

biết của ta, mà ta chẳng từng biết cái tánh biết của họ, ấy gọi là họ chẳng được cái tâm vô biên, chỉ được tánh hữu biên thôi.

d. Người ấy quán đến cùng tột Hành Âm rộng không, so đo trong tâm cái sở thấy của mình, cho là ở trong một thân của tất cả chúng sanh đều là phân nửa sanh phân nửa diệt, cho đến tất cả hiện hữu trong thế giới này cũng đều phân nửa hữu biên, phân nửa vô biên.

- Do so đo này, hữu biên vô biên, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tư lập Hữu Biên Luận.

5. Trong lúc thiên định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi tri kiến khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bốn thứ: điên đảo, bất tử, càn loạn, biến kế hư luận:

a. Người ấy quán xét cội gốc của sự biến hóa thấy chỗ lưu chuyển thì gọi là biến, thấy chỗ nói



nhau thì gọi là thường, thấy chỗ thấy được thì gọi là sanh, thấy chỗ chẳng thấy được thì gọi là diệt, cái nhân nói nhau chẳng gián đoạn thì gọi là thêm, khi đang nói nhau, ở giữa có chỗ gián đoạn thì gọi là bớt, chỗ sanh của mọi vật thì gọi là hữu, chỗ diệt của mọi vật thì gọi là vô; dùng lý quán xét thì thấy đồng, dùng tâm thì thấy khác. Có người đến cầu pháp hỏi nghĩa thì đáp: "ta nay cũng sanh cũng diệt, cũng có cũng không, cũng thêm cũng bớt", bất cứ lúc nào đều nói đảo loạn như thế, khiến người nghe rồi cũng như không nghe.

b. Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ Vô, vì vậy nên chẳng có chứng đắc, hễ có người đến hỏi chỉ đáp một chữ "Vô", ngoài ra không nói gì cả.

c. Người ấy quán xét tâm họ đến chỗ Hữu, vì vậy mà có sự chứng đắc, hễ có người đến hỏi thì chỉ đáp một chữ "Hữu", ngoài ra không nói gì cả.

d. Người ấy hữu vô cùng thấy, do cảnh rời rạc nên tâm cũng bị rối loạn, hễ có người đến hỏi thì đáp: "Cũng có tức là cũng không, ở trong cũng

không, chẳng phải cũng có". Tất cả càn loạn, chẳng thể hỏi ra kết quả.

- Do so đo này, hư vô càn loạn, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, đây gọi là ngoại đạo thứ năm chấp bốn thứ Diên Đảo, Bất Tử, Càn Loạn, Biến Kế Hư Luận.

6. Trong lúc thiên định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá, quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong dòng sanh diệt vô tận khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng diên đảo, chấp

sau khi chết có tướng: hoặc tự giữ cái sắc thân, cho sắc thân là ta; hoặc thấy ta bao trùm khắp các cõi nước, thì cho ta có sắc; hoặc thấy duyên cảnh xưa theo ta luân hồi thì cho sắc thuộc về ta; hoặc thấy cái ta nương theo hành ấm mà tương tục, thì cho ta ở nơi sắc, xoay chuyển như vậy thành mười sáu tướng, từ đó sanh ra cái chấp "có phiền não thật", và "Bồ Đề thật", hai tánh ấy đi song song mà chẳng đụng chạm nhau, do so đo này, chấp sau khi chết có tướng, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề,

ấy gọi là ngoại đạo thứ sáu trong ngũ âm chấp sau khi chết có tướng, lập Tâm Điên Đảo Luận.

7. Trong lúc thiên định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong những chỗ sắc, thọ, tưởng, đã diệt từ trước, khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào tư tưởng điên đảo, chấp sau khi chết chẳng tướng. Thấy Sắc Diệt rồi thì hình thể chẳng có nhân, thấy tướng diệt rồi thì tâm chẳng bó buộc, thấy thọ diệt rồi thì chẳng còn chỗ nối liền, tánh âm

tiêu tan, dầu có sự sanh mà chẳng có thọ, tướng, đồng như cây cỏ, cái thể chất hiện hữu này còn bất khả đắc, huống chi chết rồi thì đâu còn hình tướng nào! Theo đó suy lường, xoay chuyển thành tám thứ vô tướng, cho rằng nhân quả, Niết Bàn, tất cả đều không, chỉ có danh tự, cuối cùng đoạn diệt. Do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ bảy trong ngũ âm chấp sau khi chết chẳng tướng, lập Tâm Điên Đảo Luận.

8. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, trong chỗ hành âm còn mà thọ tướng đã diệt, cho "Có, Không" đồng thời cùng hiện nên tự thể phá nhau, người ấy bị đọa vào điên đảo luận, chấp sau khi chết chẳng phải "Có" cũng chẳng phải "Không", trong sắc, thọ, tưởng, thấy có chẳng phải là có, nơi hành âm lưu chuyển, thấy không chẳng phải là không, xoay chuyển như vậy cùng tận âm giới, thành tám thứ tướng "chẳng phải có chẳng phải không", dù gặp một duyên nào đều

nói sau khi chết cũng có tướng cũng không tướng. Lại chấp hành âm tánh hay thay đổi, tâm phát thông ngộ, thấy "Có, Không" đều chẳng phải, hư và thật đều không chỗ căn cứ, do so đo này, làm cho mịt mù chẳng thể nói được, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ tám trong ngũ âm chấp sau khi chết chẳng có cũng chẳng không, lập Tâm Diên Đảo Luận.

9. Trong lúc thiên định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội



gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu-Hậu-Vô (3) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào bảy thứ Đoạn Diệt Luận: hoặc chấp cái thân diệt, hoặc dục tận diệt, hoặc khổ tận diệt, hoặc cực lạc diệt, hoặc cực xả diệt, xoay chuyển như thế tận cùng bảy nơi, cái thân hiện tiền khi tiêu diệt rồi chẳng còn sanh nữa, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê làm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ chín trong ngũ âm chấp sau khi chết đoạn diệt, lập Tâm Diên Đảo Luận.

10. Trong lúc thiền định, chánh tâm kiên cố, mà chẳng được dịp quấy phá. Quán xét cùng tột cội gốc của sanh diệt, ở nơi Hậu Hậu Hữu (4) khởi tâm so đo, người ấy bị đọa vào năm thứ Niết Bàn Luận: hoặc nhận dục giới là nơi Chánh Chuyển Y, vì thấy cảnh viên minh nên tâm sanh ái mộ, hoặc nhận sơ thiên vì tánh không còn lo, hoặc nhận nhị thiên, vì tâm không còn khổ, hoặc nhận tam thiên, vì rất vui đẹp, hoặc nhận tứ thiên vì khổ vui đều mất, chẳng bị luân hồi sanh diệt vậy. Mê làm cõi trời hữu lậu cho là quả vô vi, năm nơi an ổn ấy là nơi Thắng

Tịnh Y, xoay chuyển ở năm chỗ này, cho là cứu cánh, do so đo này, lạc vào ngoại đạo, mê lầm tánh Bồ Đề, ấy gọi là ngoại đạo thứ mười trong ngũ âm chấp năm thứ Niết Bàn, lập Tâm Điên Đảo Luận.

- A Nan! Mười thứ thiên định cuồng giải trên đều do Hành Âm và dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này, mà chẳng tự biết, nhận sự mê lầm cho là giải thoát, tự nói chứng thánh, thành đại vọng ngữ, đọa ngục A-Tỳ.

- Sau khi Như Lai nhập diệt, nơi thời mạt pháp, các người phải theo lời dạy bảo như trên khai thị khắp tất cả chúng sanh, khiến đều tỏ ngộ nghĩa này, chớ cho tâm ma tự khởi nghiệp chướng, hộ trì cho họ dứt bỏ tà kiến, khiến thân tâm được mở mang, giác ngộ nghĩa chơn thật, thành Vô Thượng Đạo, chẳng bị lạc đường, chẳng được ít cho là đủ, làm bia chỉ đường giải thoát của Phật.

## V. MA THỨC ẨM

- A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, các tính sanh diệt lăng xăng chuyển động của thế gian bỗng được tan rã, các nghiệp báo luân hồi, sự cảm ứng vi tế như chỉ tơ gàn được đoạn dứt, sắp được minh ngộ nơi cõi Niết Bàn, như gà gáy lần chót, trời bắt đầu rạng đông. Lục căn hư tịch, chẳng còn giống ruồi cảnh trần, trong ngoài trạm nhiên sáng suốt, cho đến nhập vô sở nhập: thấu suốt cội gốc thọ mạng của 12 loại chúng sanh trong mười

phương, chấp vào cái cội gốc đó, các loài chẳng đến với nhau, mà ở nơi mười phương đều đồng một cội gốc, sự phát hiện chỗ ẩn bí đó, như trời gần sáng mà chưa sáng, rạng đông kéo dài, đây gọi là phạm vi của Thức Âm. Nếu ở chỗ đồng ấy, nhờ sức thiên định mài giũa lục căn, đến thấy nghe thông nhau, sự dụng của lục căn muốn hợp hay tách ra đều được tự do thành tựu, trong ngoài sáng suốt như lưu ly, gọi là thức âm hết, thì lúc ấy được siêu việt Mệnh Trược. Nhưng quán xét nguyên nhân là do bởi

Võng Tượng (mường tượng) Hư Vô, Diên Đảo  
Vọng Tượng (5) làm gốc.

1. A Nan! Người tu thiên định, khi dứt được hành  
âm, trở về chỗ cội gốc của Thức Âm, sanh diệt đã  
diệt mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên  
thông, có thể khiến lục căn thông dụng lẫn nhau,  
cũng thông với cái giác tri của các loài trong mười  
phương, do sự thông dụng ấy mới được đi vào chỗ  
cội gốc của Thức Âm. Nếu ở chỗ trở về mà lập cái  
nhân Chơn Thường, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa

vào cái chấp "Năng nhân, sở nhân", làm bạn với bọn ngoại đạo tóc vàng, nhận chỗ "căn bản của vô minh" làm nơi sở quy, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm sở đắc, thành cái quả sở quy, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống ngoại đạo thứ nhất.

2. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở chỗ cội gốc của thức Âm, ôm làm tự thể của mình, cho tất cả 12 loại chúng



sanh khắp hư không đều phát xuất từ thân ta, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Năng phi năng" (6), làm bạn với bọn ma dân hay hiện thân vô biên ở cõi Sắc giới, mê lầm tánh BỒ ĐỀ, lạc mất tri kiến Phật, ấy gọi là lập cái tâm năng vi, thành cái quả năng sự, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh Đại Mạn Thiên, thành giống chấp ngã thiên viên thứ hai (thiên viên chưa được viên thông, chỉ có một nửa).

3. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi cội gốc của thức âm khởi tâm nương tựa, tự nghi thân tâm mình từ đó mà ra, mười phương hư không đều từ đó sanh khởi, bèn nhận chỗ đó là cái thể chơn thường, là nơi chẳng sanh diệt. Ở chỗ sanh diệt chấp là thường trụ, chẳng những chẳng thấy tánh chơn bất sanh diệt, mà còn nhận lầm tánh sanh diệt hiện tại, an trụ tại chỗ mê lầm này, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "thường phi thường", làm bạn với bọn ở

cõi trời Tự Tại Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm nhân y (cái nhân nương tựa) thành cái quả vọng kế (vọng chấp thường trụ), trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn thành giống điên đảo viên thông thứ ba (nói viên thông mà chưa được viên thông).

4. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi sở tri, kiến lập tri giải, cho các loài cây cỏ mười phương đều gọi là hữu

tình, với người chẳng khác; cây cỏ làm người, người chết rồi lại thành cây cỏ, cho đến loài vô tình đều có sự giác tri, hữu tình vô tình chẳng có phân biệt, sanh tâm thù thắng, thì bị đọa vào cái chấp "Tri vô tri", làm bạn với hai thứ ngoại đạo Bà Tra và Tiệt Ni, chấp tất cả đều có sự giác tri, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm viên tri, thành cái quả hư vọng, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Diên Đảo Tri thứ tư.

5. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi lục căn dung thông lẫn nhau đã được tùy thuận vô ngại, rồi nương theo viên dung này, cho là tứ đại hay biến hóa tất cả, nên từ nơi tứ đại ham cầu tánh sáng suốt của hỏa; thích tánh trong sạch của thủy; ưa tánh chu lưu của phong, quán tánh thành tựu của trần, mỗi mỗi đều tôn sùng, lấy các trần ấy nhận làm bản nhân, chấp cho là thường trụ, thì bị đọa vào cái chấp "Sanh vô Sanh", làm bạn với bọn ngoại đạo Ca Diếp Ba và

Bà La Môn, siêng tâm ép xác, thờ lửa thờ nước để cầu được ra khỏi sanh tử, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước, thờ phụng, mê tâm theo vật, lập cái nhân vọng cầu, cầu cái quả vọng mong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống của tạo hóa điên đảo thứ năm.

6. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở trong viên minh chấp là hư vô, bác bỏ các sự tạo hóa, lấy cái vĩnh diệt làm chỗ

quy y, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp "Quy vô quy" (cho vô quy là Quy), làm bạn với bọn Thuần Nhã Đa (thần hư không) ở cõi Vô Tướng Thiên, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp cái tâm hư vô thành quả Không Vong, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống đoạn diệt thứ sáu.

7. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, nếu ở nơi viên thường sanh lòng

củng cố cái thân này, cho là thường trụ đồng với tánh ấy, mãi không tiêu diệt, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp "Tham phi tham" (7), làm bạn với bọn A Tư Đà (chẳng ai bằng), tham cầu trường thọ, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là chấp trước mạng căn, lập cái nhân cố vọng (kiên cố cái vọng thân), cầu quả thường trụ, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống vọng diên thứ bảy (vọng diên: vọng muốn kéo dài).



8. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, xét thức âm là mạng căn của các loài dung thông lẫn nhau, bỗng sợ tiêu diệt, muốn giữ lại trần lao, bèn ở chỗ đó ngồi cung liên hoa, hóa ra rất nhiều châu báu và mỹ nữ, buông lung tâm mình, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào cái chấp "chơn vô chơn" (cho vô chơn là chơn), làm bạn với cõi Tha Hóa Thiên, mê làm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là phát cái nhân tà tướng, lập quả

trần lao hưng thịnh, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống thiên ma thứ tám.

9. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông. Ở trong nguồn gốc của thức âm, khởi tâm phân biệt tinh, thô, chơn, ngụy, nhân quả trả nhau, chỉ cầu sự cảm ứng, trái ngược đạo thanh tịnh, chấp cái khô, tập, diệt, đạo của Tứ Thánh Đế, cho là đến chỗ diệt rồi là xong, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Thanh

Văn, làm bạn với kẻ tăng thượng mạn như Tỳ Kheo Vô Văn, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm cảm ứng tinh vi, thành quả tịch diệt, trái xa viên thông, ngược đạo Niết Bàn, thành giống Triền Không thứ chín (Triền Không: bị ràng buộc ở chỗ Không).

10. Người tu thiên định, khi dứt được Hành Âm, sanh diệt đã diệt, mà nơi tinh diệu của tịch diệt chưa được viên thông, ở nơi tánh giác minh, viên dung thanh tịnh, truy cứu sự thâm diệu, bèn chấp đó là

Niết Bàn, chẳng cầu tiến thêm, sanh tâm thắng giải, thì bị đọa vào định tánh Bích Chi, làm bạn với những người Duyên Giác và Độc Giác, chẳng biết hồi tâm hướng về Đại Thừa, mê lầm tánh Bồ Đề, lạc mất tri kiến Phật. Ấy gọi là lập cái tâm âm thầm hợp với viên giác (8), thành cái quả trạm minh, trái xa viên-thông, ngược đạo Niết Bàn, sanh cái giác viên minh, thành giống Bất Hóa Viên thứ mười (Bất Hóa Viên: chấp vào nơi viên mà chẳng thể hóa giải được).

- A Nan! Mười thứ cảnh giới thiên đĩnh trên, giữa chừng thành điên, là do nương theo mê hoặc, ở nơi chưa cứu cánh chấp cho là đủ, ấy đều do thức ám với dụng tâm giao tranh lẫn nhau mà hiện ra, chúng sanh ngu mê chẳng tự xét kỹ, gặp nhân duyên này hiện tiền, mỗi mỗi đều dùng tâm mê chấp những tập quán ưa thích cũ của mình, cho là cứu cánh mà ngừng nghỉ tại đó, tự nói đã đầy đủ đạo Vô Thượng Bồ Đề, thành đại vọng ngữ, lạc vào tà ma ngoại đạo, khi hết nghiệp báo chiêu cảm, bị đọa ngục A Tỳ, còn hàng Thanh Văn Duyên Giác

thì chẳng cầu tiến thêm. Các người đã phát tâm theo đạo Như Lai, sau khi ta nhập diệt, nơi thời mạt pháp, phải đem pháp môn này truyền dạy cho đời sau, khiến tất cả chúng sanh đều rõ biết nghĩa này, chớ để cho kiến ma (tự chấp tri kiến của mình thành ma), tạo nghiệp chìm đắm, hộ trì cho họ dứt bỏ tà duyên, khiến thân tâm họ nhập tri kiến Phật, từ bắt đầu đến khi thành tựu chẳng bị lạc đường.

- Chư Phật trong quá khứ hằng sa kiếp đều nhờ pháp môn này mà khai ngộ, thành đạo Vô Thượng.

Nếu dứt được thức ấm rồi thì lục căn của các người hồ dụng lẫn nhau, do hồ dụng này được vào cấp bậc Kim Cang Càn Huệ Bồ Tát, ở trong đó phát khởi chơn trí, trong suốt như mặt trăng ở trong ngọc lưu ly, từ đó cho đến siêu việt thập tín, thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, tứ gia hạnh và Kim Cang thập địa, Đẳng Giác viên minh vào trong biển Diệu Trang Nghiêm của Như Lai, Bồ Đề viên mãn, quy về Vô Sở Đắc.

- Đây là những ma vi tế trong lúc tu tập thiền định mà chư Phật đã giác ngộ từ đời quá khứ, cảnh ma hiện tiền, các người nhận biết được liền tẩy trừ tâm cấu nhiễm của mình, chẳng lọt vào tà kiến, thì âm ma tiêu diệt, thiên ma vỡ nát, đại lực quý thần hoảng sợ chạy trốn. Các loại yêu tinh ly mi chẳng còn sanh ra, những căn hạ liệt cũng được tinh tấn, tâm chẳng mê làm nơi Đại Niết Bàn, thẳng đến Bồ Đề, chẳng gì thiếu sót.



- Nếu các chúng sanh ngu độn trong đời mạt pháp chưa hiểu Thiên Na, chẳng biết Phật pháp mà ưa tu tam muội, e họ mắc phải tà kiến, nên một lòng khuyên họ trì chú Phật Đảnh Đà La Ni của ta; nếu chưa thể tụng trì, thì viết nơi thiền đường, hoặc đeo trong thân, như thế, tất cả tà ma đều chẳng động đến được. Người nên kính vâng lời dạy sau cùng về đường tu rốt ráo của mười phương Như Lai.

A Nan nghe Phật dạy bảo, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ kính vâng, ghi nhớ chẳng sót, lại bạch Phật rằng:

- Như lời Phật dạy, trong tướng ngũ ấm, năm thứ hư vọng vốn là bản tâm, chúng con bình thường chưa được Như Lai khai thị tử mỹ như thế. Lại ngũ ấm này là tiêu trừ một lượt hay theo thứ lớp mà diệt trừ? Năm lớp này đến đâu là bờ bến? Xin Như Lai phát lòng đại từ, khiến tâm và mắt của đại chúng

được trong sáng, và làm đạo nhân tương lai cho tất cả chúng sanh trong đời mạt pháp.

Phật bảo A Nan:

- Diệu tâm sáng tỏ, bốn giác trong sạch, vốn chẳng có sanh tử và những trần cấu, tất cả chúng sanh, cho đến hư không, đều do vọng tưởng mà sanh khởi. Cái bốn giác vốn sáng tỏ trong sạch này, vọng sanh các tướng thế gian, như Diễn Nhã Đạt Đa mê đầu nhận bóng. Vọng vốn chẳng nhân, lại nơi vọng tưởng lập tánh nhân duyên, kẻ mê nhân

duyên cho là tự nhiên, thật ra, tánh hư không còn là huyền hóa, nhân duyên và tự nhiên đều do vọng tâm của chúng sanh tạo thành. - A Nan, biết chỗ vọng khởi, thì nói vọng duyên, nếu vọng vốn không, thì các vọng nhân duyên vốn chẳng thể có, huống là chẳng biết lại cho là tự nhiên. Vì thế, Như Lai phát minh: Bản nhân của ngũ ấm đều là vọng tưởng.

- Thân người trước tiên, do niệm tưởng của cha mẹ sanh ra, tâm người nếu chẳng có niệm tưởng thì

chẳng thể đến hợp với tướng của cha mẹ mà thọ sanh. Như trước ta đã nói, tướng tượng vị chua thì tiết ra nước miếng, tướng tượng leo dốc thì lòng bàn chân ghê rợn, dốc cao chẳng có, vật chua chưa đến, thân người nếu chẳng cùng loại với hư vọng thì làm sao nghe nói chua lại tiết ra nước miếng? Nên biết sắc thân hiện tiền của người, gọi là Kiên Cố Vọng Tướng thứ nhất.

Như trên đã nói, tướng tượng leo dốc thì khiến thân thật chịu ghê rợn; vì cái nhân niệm tướng cảm

thọ, lay động sắc thân, nay trước mắt người ham thuận chán nghịch, hai hiện tượng này giao tranh với nhau, gọi là Hư Minh Vọng Tưởng thứ hai.

- Bởi do niệm tưởng sai khiến sắc thân; nếu sắc thân với niệm tưởng chẳng cùng loại, thì tại sao thân người lại theo niệm tưởng sai khiến? Đủ thứ hiện tượng tương ứng với niệm tưởng, hễ tâm sanh thì thân nhận, lúc thức là niệm tưởng, lúc ngủ thành chiêm bao. Vậy thì niệm tưởng của người lay động vọng tình, gọi là Dung Thông Vọng Tưởng thứ ba.

- Lý tạo hóa chẳng ngừng, âm thầm dời đổi, móng dài, tóc mọc, sức mòn, hình nhão, ngày đêm thay đổi mà không hề hay biết.

- A Nan, ấy nếu chẳng phải là người, thì tại sao thân người lại dời đổi? Nếu ắt phải là người, thì sao người lại chẳng hay biết? Vậy thì, hành âm của người niệm niệm chẳng ngừng, gọi là U Ân Vọng Tưởng thứ tư.

- Lại, chỗ tánh thức trong lặng chẳng lay động của người, cho là thường còn ấy, ở nơi thân người

chẳng ra ngoài Kiến, Văn, Giác, Tri, nếu cho là chơn thật, thì chẳng thể huân tập sự vọng, tại sao các người đã từng xem một vật lạ từ năm xưa, trải qua nhiều năm, nhớ quên chẳng còn; về sau bỗng thấy vật lạ đó, thì nhớ lại rõ ràng, chưa từng lạc mất?

- Vậy nơi tánh thức trong lặng chẳng lay động này, đâu có suy tính, mà niệm niệm chịu sự huân tập! A Nan nên biết, tánh trong lặng này chẳng thật, như dòng nước chảy gấp, trông như tịch lặng, ấy là



vì chảy gấp mà chẳng thấy, chứ chẳng phải không chảy; nếu chẳng phải là cội gốc của niệm tưởng, thì đâu thể huân tập sự vọng? Nếu lục căn chưa được hồ dụng tự tại, thì vọng tưởng này chẳng bao giờ diệt trừ được.

- Vậy nên hiện nay cái Kiến, Văn, Giác, Tri của người, hòa hợp với tập khí vi tế, thành mừng tượng hư vô nơi tánh Trạm Liễu, gọi là tướng vi tế của Điên Đảo Vọng Tưởng thứ năm.

- A Nan! Ngũ âm này do năm thứ vọng tưởng kể trên mà thành.

- Nay người muốn biết bờ bến sâu cạn, thì Sắc với Không là bờ bến của Sắc Âm; Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Âm; Nhớ với Quên là bờ bến của Tưởng Âm, Diệt với Sinh là bờ bến của Hành Âm; Tràm nhập hợp Tràm, là bờ bến của Thức Âm.

## LƯỢC GIẢI

Trước kia, A Nan hỏi về ngũ âm đến đâu là bờ bến, ở đây Phật giải thích kỹ càng, có nguyên nhân có bờ bến, từ cạn vào sâu.

Sắc chẳng tự Sắc, vì Không hiển Sắc, nên sắc với Không là bờ bến của Sắc Âm. Thọ chẳng tự Thọ, vì Xúc có Thọ, nên Xúc với Lìa là bờ bến của Thọ Âm; Tưởng chẳng phải Tưởng, vì ghi nhớ gọi là Tưởng, nên Nhớ và Quên là bờ bến của Tưởng Âm; Hành chẳng phải Hành, vì sanh diệt chẳng

ngừng, gọi là Hành, nên Sinh với Diệt là bờ bên của Hành Âm; Thức gọi là Trạm Liễu (trong lặng sáng suốt), là đã diệt sanh diệt, tánh Thức nhập vào chỗ cội gốc trong lặng, mà hợp với trạm nhiên, có nhập có hợp, tức là bờ bên của Thức Âm.

Vì Trạm Nhập là Thức Âm, Trạm Xuất là Hành Âm. Chơn Tánh chẳng gọi là Trạm Nhập, là vì cùng khắp pháp giới, nên chẳng có xuất nhập, nay Trạm Nhập dần dần đi vào, cho đến nhập vô sở nhập, tức đến chỗ chẳng sanh diệt vậy.

- Cội gốc của ngũ âm từng lớp sanh khởi; sanh do thức mà có, diệt theo sắc mà trừ; Lý thì Đốn Ngộ, theo ngộ cùng tiêu. Sự chẳng thể bỗng diệt, phải dần dần mới được dứt sạch.

- Ta đã khai thị cho người về thất kết của khăn bông, tại sao còn chẳng rõ mà lại hỏi nữa! Người đối với cội gốc vọng tưởng này, nơi tâm được khai ngộ, rồi mới có thể truyền dạy cho người tu hành trong đời mạt pháp, khiến họ biết sự hư vọng, tự

sanh nhàm chán, biết có Niết Bàn, chẳng lưu luyến tam giới.

- A Nan! Nếu có người đem thất bảo chất đầy mười phương hư không để cúng dường vô số Phật, tâm chẳng buông lung, ý người thế nào, người ấy do nhân duyên cúng dường Phật này, có được phước nhiều chăng?

A Nan đáp rằng:

- Hư không vô tận, thất bảo vô biên. Xưa kia có người cúng Phật bảy xu, còn được phước báo làm

Chuyên Luân Vương, huông là dùng thất bảo đầy khắp hư không để cúng dường; thất bảo ấy suốt kiếp đếm mãi còn chẳng thể hết, làm sao phước ấy lại có bờ bến!

Phật bảo A Nan:

- Lời nói của chư Phật chẳng có hư vọng, nếu có người gây các tội Tứ Trọng (Sát, đạo, dâm, vọng), Thập Ba La Di, phải trải qua địa ngục A-Tỳ phương này phương kia, cho đến cùng tột các ngục A Tỳ mười phương trong sát na, chẳng nơi nào không

trải qua, nếu người ấy dùng một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp, liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc được phước siêu việt hơn người cúng dường trước kia gấp trăm ngàn lần, ngàn vạn ức lần như thế cho đến toán số thí dụ đều chẳng thể so bằng.

## LƯỢC GIẢI

Theo đoạn trên nói, Phạm tội Tứ Trọng, Thập Ba La Di là cái tội cực ác, phải chịu cái quả báo



cực khổ cho đến cùng tột tất cả địa ngục A-tỳ. Kẻ phạm tội như vậy tại sao chỉ cần dùng "một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ địa ngục thành cõi an lạc". Vậy nếu thật như thế thành không có nhân quả sao? Nếu người hiểu làm việc này thì cho là làm cái nhân cực ác cũng không sao! Vì chỉ cần biết thuyết pháp thì tội lớn đến mức nào cũng tiêu ngay lại còn được phước báo vô cùng tận.

Chúng Đạo Ca nói:

"Liễu thì nghiệp chướng vốn là không, chưa liễu vẫn phải trả nợ xưa".

Liễu là liễu ngộ tức là ở trong chiêm bao thức tỉnh, thì nghiệp chướng ở trong chiêm bao tự tiêu diệt, còn chưa liễu thì còn ở trong chiêm bao phải chịu nghiệp báo trong chiêm bao không thể tiêu liền được. Kinh nói dùng "Một niệm đem pháp môn này khai thị cho người sơ học trong đời mạt pháp liền được tội chướng tiêu diệt, biến cái nhân khổ

địa ngục thành cõi an lạc", ấy là ám chỉ người liễu ngộ mới có thể liên tiêu nghiệp chướng.

"Y văn giải nghĩa, tam thế Phật oan", độc giả hãy tự xem xét cho kỹ.

\*\*\*\*\*

- A Nan! Nếu có chúng sanh hay tụng trì kinh này và chú này như ta đã nói, thì phước báo cùng tội số kiếp cũng chẳng thể hết; nếu nương theo lời dạy của ta mà tu hành, thì thẳng đến Bồ Đề chẳng còn nghiệp ma.

Phật thuyết kinh này xong, các vị Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tất cả cõi trời, người, A Tu La trong thế gian, với các vị Bồ Tát, Nhị Thừa, Thần tiên, đồng tử ở cõi khác, và đại lực quý thần mới phát tâm, đều rất vui mừng, đánh lễ ra về.

---

## GHI CHÚ

(1) U-Ẩn Vọng Tướng và Chúng Sanh Trược:

Hành Âm tại sao gọi là U Ẩn Vọng Tướng? Vì cái vọng tướng của Hành Âm u nhàn ẩn mật, khó mà tự phát giác được, gọi là U Ẩn Vọng Tướng. Chúng Sanh Trược là sanh diệt chẳng ngừng, nghiệp báo thường lưu chuyển, luân hồi thành đủ thứ chúng sanh, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Chúng Sanh Trược.

## (2) Phân Vị:

Luận về thường, vô thường, nói về tánh thì thuộc kiến phần; biên vô biên. Nói về phân vị thì thuộc

tướng phần. Bốn thứ Hữu Biên Luận nói về phân vị: Một là phân vị tam tế, quá khứ, hiện tại, vị lai, hai là phân vị kiến văn, ba là phân vị nhân ngã, bốn là phân vị sanh diệt, đều bị kẹt trong phân vị của Hành Âm mà sanh ra vọng tâm so đo.

### (3) Hậu Hậu Vô:

Vì trước kia thấy có hành âm mà chẳng có thọ tướng, sau này hành âm cũng chẳng có; trước kia thấy sau khi chết chẳng tướng là chỉ nói về một chỗ thân diệt mà thôi, nay truy cứu hết bảy chỗ tận diệt

chẳng sanh nữa: thân diệt thuộc dục giới, gồm cõi trời và cõi người, sắc dục diệt thuộc Sơ thiên, khổ diệt thuộc Nhị thiên, cực lạc diệt thuộc Tam Thiên, cực xả diệt thuộc Tứ Thiên, dù chỉ nói 5 chỗ diệt, kỳ thật gồm hai cõi Vô Sắc (Không Vô Biên Xứ và Vô Sở Hữu Xứ) là bảy chỗ diệt. Đây là lọt vào Vô Tướng Thiên ngoại đạo, giống như Tỳ Kheo Vô Văn, đồng một đoạn kiến, tự nói chứng quả, chẳng thọ sanh nữa, nên lập sau khi chết đoạn-diệt-luận.

#### (4) Hậu Hậu Hữu:

Trước đã nói là Hậu Hậu Vô, rồi nay tại sao lại nói Hậu Hậu Hữu? Bởi vì cái cội gốc sanh diệt lăng xăng này là chẳng thể diệt được vì chưa đến chỗ chơn tịch diệt, mà vọng thấy chỗ diệt có sự chứng đắc, nên nói Hậu Hậu Hữu. Vì Hành Âm được tạm ngưng sát na tánh viên minh hơi hiện, bèn cho là chẳng sanh diệt, tức là Niết Bàn, do so đo thành có năm chỗ Niết Bàn vậy.

(5) Diên Đảo Vọng Tưởng và Mệnh Trược:



Thức Âm tại sao gọi là Điên Đảo Vọng Tưởng? Vì chấp vông tượng hư vô, "Vông" thì giống như là không. "Tượng" thì giống như là có, như có như không, trở thành hư vô. Hư vô là thể của Chơn Như, chẳng sanh chẳng diệt, nay có vông tượng là bóng sanh diệt của thức thứ tám. Nếu nương theo Chơn Như thì gọi là Chánh Giác, nếu nương theo thức thứ tám thì gọi là vọng giác, vì chấp cái vông tượng hư vô này, nên thành điên đảo vọng tưởng. Sinh mệnh là do sự hô hấp, sức âm của cơ thể và ý

thức ba thứ hòa hợp mà thành, dựa theo đó mà sanh ra tri kiến chấp thật, nên gọi là Mệnh Trược.

(6) Năng Phi Năng:

Chấp ta năng sanh tất cả chúng sanh (tâm năng vi), nhưng sự thật thì chẳng có cái năng lực ấy (quả năng sự).

(7) Tham Phi Tham:

Thân vốn vô thường, chẳng thể tham được, nay khởi tâm chấp thật, tham cầu trường thọ, tham cái không thể tham gọi là tham phi tham.

(8) Lập tâm viên giác thành cái quả trạm minh.

Lấy cái giác làm viên minh: cho là "viên" thì bị kẹt ở nơi viên, cho là "minh", thì bị kẹt nơi minh. Là "minh" thì chẳng mê ở nơi nhân quả cảm ứng; là "viên" nên chẳng mê vào chỗ "diệt rồi là xong", từ đó truy cứu sự thâm diệu, thâm lại càng thâm, chẳng đọa nơi hữu, diệu lại thêm diệu, chẳng đọa nơi Vô, thì ở chỗ "Phi hữu phi vô" này lập cái Niết Bàn chẳng sanh chẳng diệt, cố chấp không thể hóa

giải được, nên chẳng cầu tiến thêm, thành quả định  
tánh Bích Chi.

\*\*\*\*\*

(KINH LĂNG NGHIÊM HẾT)